

Số: 1903 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/QH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;
Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;
Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;
Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tại Tờ trình số 8567/TTr-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019; Báo cáo thẩm định số 8638/BC-HĐTĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và văn bản số 8019/UBND-SKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc tiếp thu, giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung như sau:

1. Tên quy hoạch, thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch

a) Tên quy hoạch: Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Thời kỳ quy hoạch: Quy hoạch được lập cho thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

c) Phạm vi ranh giới quy hoạch:

Phần lãnh thổ thành phố Đà Nẵng: Diện tích tự nhiên là 1.284,88 km²; trong đó, các quận nội thành chiếm diện tích 246,71 km², các huyện ngoại thành chiếm diện tích 1.038,17 km² (trong đó huyện Hoàng Sa có diện tích là 305 km²).

- Phía Bắc giáp tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Phía Nam và Tây giáp tỉnh Quảng Nam.
- Phía Đông giáp biển Đông.

Tọa độ địa lý thành phố Đà Nẵng: Vùng đất liền nằm ở 15°55' đến 16°14' vĩ độ Bắc, 107°18' đến 108°20' kinh độ Đông; vùng biển gồm quần đảo Hoàng Sa nằm ở 15°45' đến 17°15' vĩ độ Bắc, 111° đến 113° kinh độ Đông, cách đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi khoảng 120 hải lý về phía Nam.

2. Yêu cầu về quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập quy hoạch

a) Quan điểm lập quy hoạch:

- Cụ thể hóa Nghị quyết số 43- NQ/TW, ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và định hướng chiến lược phát triển đất nước thời kỳ 2021 - 2030; cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Đảm bảo phát huy được vai trò, vị thế và tiềm năng của thành phố Đà Nẵng là cửa ngõ giao thương quốc tế, là trung tâm kinh tế hàng đầu của quốc gia và khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Đảm bảo phát triển hài hòa giữa các địa phương, vùng lãnh thổ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; phù hợp với khả năng cân đối, huy động các nguồn lực triển khai thực hiện.

- Đánh giá vị trí địa kinh tế - chính trị của thành phố Đà Nẵng; các tác động về các điều kiện và bối cảnh từ bên ngoài đến phát triển của thành phố Đà Nẵng; các cơ hội liên kết giữa thành phố Đà Nẵng với các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên và cả nước; hành lang Đông - Tây; khả năng khai thác các cơ hội phát triển trong thời đại mới.

- Đảm bảo tính khả thi trong triển khai, đáp ứng các nhu cầu trong giai đoạn 2021 - 2025, giai đoạn 2026 - 2030 và tạo nền tảng phát triển cho các giai đoạn tiếp theo, phù hợp với tầm nhìn đến năm 2050.

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch giúp cho quá trình hỗ trợ ra quyết định trong thu hút và triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố.

b) Mục tiêu lập quy hoạch:

- Là công cụ để chính quyền các cấp lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý toàn diện, thống nhất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; là căn cứ để hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; là cơ sở để triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công giai đoạn 05 năm và hằng năm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đảm bảo tính khách quan, khoa học.

- Là căn cứ để các doanh nghiệp, cộng đồng và người dân đầu tư, kinh doanh, sinh sống, làm việc cũng như giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch của thành phố Đà Nẵng.

- Loại bỏ các quy hoạch chồng chéo ảnh hưởng đến đầu tư phát triển; xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể, bố trí hợp lý không gian nhằm giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trong địa bàn thành phố hiện nay và định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hợp lý các tiềm năng, lợi thế bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

- Đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá chiến lược; hướng tới phát triển bền vững trên cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong dài hạn.

- Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và quy hoạch thành phố Đà Nẵng nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của thành phố để phát triển nhanh và bền vững.

c) Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Đảm bảo sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch.

- Đảm bảo tính thống nhất, tổng thể, đồng bộ và hệ thống giữa quy hoạch thành phố với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo sự kết hợp hiệu quả giữa quản lý ngành/lĩnh vực với quản lý lãnh thổ, bảo vệ môi trường và quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia; các phân tích, đánh giá và định hướng phát triển được dựa trên mối quan hệ tổng thể, có tính hệ thống, tính kết nối liên ngành, liên lĩnh vực và liên vùng.

- Đảm bảo tính bền vững trong lập quy hoạch dựa trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường cho một thời gian dài, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng thực tế và nguồn lực thực hiện của thành phố thời kỳ 2021 - 2030 và khả năng huy động nguồn lực trong tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với xu thế phát triển và vận động của bối cảnh trong và ngoài nước, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Đảm bảo tính liên tục, kế thừa của quy hoạch thời kỳ trước và tính ổn định. Nội dung quy hoạch sẽ chọn lọc, kế thừa các chủ trương chính sách lớn của Đảng và

Nhà nước (trong đó có cụ thể hóa các nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030) cũng như các quy hoạch quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trước đó.

- Đảm bảo tính thị trường trong việc huy động các yếu tố, nguồn lực, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cũng như trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực.

- Đảm bảo tính liên kết không gian, thời gian trong quá trình lựa chọn các công cụ sử dụng trong hoạt động quy hoạch.

- Đảm bảo tính khoa học, kết nối, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đảm bảo tính linh hoạt, thích ứng, có không gian, nguồn lực và các chính sách phản ứng nhanh khi có sự cố (thiên tai, dịch bệnh, sự cố có tính thảm họa,...) xảy ra.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, bảo đảm sự giám sát của người dân, cộng đồng.

3. Yêu cầu về nội dung, phương pháp lập quy hoạch

a) Nội dung quy hoạch:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của thành phố;

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển thành phố;

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn thành phố;

- Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị; phương án phát triển đô thị và các thị xã, thị trấn trên địa bàn thành phố;

- Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; phương án phát triển các cụm công nghiệp;

- Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn, phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phương án phân bố hệ thống điểm dân cư;

- Xác định khu quân sự, an ninh; phương án phát triển những khu vực khó khăn; phương án phát triển những khu vực có vai trò động lực;

- Phương án phát triển mạng lưới giao thông; mạng lưới cấp điện; mạng lưới viễn thông; mạng lưới thủy lợi, cấp nước; các khu xử lý chất thải;

- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;
- Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;
- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;
- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn thành phố;
- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố;
- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;
- Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố;
- Xây dựng danh mục dự án của thành phố và thứ tự ưu tiên thực hiện;
- Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch;
- Xây dựng báo cáo quy hoạch gồm báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch thành phố Đà Nẵng.

b) Phương pháp lập quy hoạch:

Quy hoạch được lập dựa trên phương pháp tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực, đảm bảo các yêu cầu về tính khoa học, tính phù hợp, tính thực tiễn và ứng dụng công nghệ hiện đại. Các phương pháp cơ bản sau được sử dụng trong quá trình lập Quy hoạch:

- Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập thông tin, phân loại, thống kê, xử lý thông tin;
- Phương pháp dự báo, xây dựng phương án phát triển;
- Phương pháp tích hợp quy hoạch;
- Phương pháp thông tin địa lý, bản đồ (GIS);
- Phương pháp phân tích hệ thống, phương pháp so sánh, tổng hợp;
- Phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo;
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch thành phố.

4. Thời hạn lập quy hoạch

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức lập và hoàn thành lập Quy hoạch thành phố Đà Nẵng trong năm 2020.

5. Thành phần hồ sơ quy hoạch

- a) Văn bản trình thẩm định quy hoạch;
- b) Văn bản trình phê duyệt quy hoạch;
- c) Báo cáo thuyết minh quy hoạch;
- d) Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch;
- đ) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- e) Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch. Danh mục và tỷ lệ bản đồ quy hoạch bao gồm:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của thành phố Đà Nẵng.

- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000

+ Các bản đồ về hiện trạng phát triển.

+ Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.

+ Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.

+ Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.

+ Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.

+ Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

+ Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất.

+ Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.

+ Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.

+ Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện, vùng liên huyện.

+ Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.

+ Bản đồ chuyên đề (nếu có).

- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000: Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển khu vực trọng điểm của thành phố Đà Nẵng (nếu có).

6. Chi phí lập quy hoạch

Căn cứ nhiệm vụ lập quy hoạch, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về định mức trong hoạt động quy hoạch, hướng dẫn của Bộ Tài chính về giá trong hoạt động quy hoạch và các quy định về định mức, tiêu chuẩn chi có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng tổ chức lập dự toán, thẩm định và quyết định cụ thể chi phí lập quy hoạch theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm:

a) Căn cứ nội dung Nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập Quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch theo quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.

b) Quy định cụ thể về số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch;

c) Phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán chi phí lập quy hoạch.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong quá trình lập quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./..

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các PTg;
- TGD Công TTĐT, các Vụ;
- Lưu: VT, QHĐP (3) vmd. 11

